

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 06-02-2018.

V/v Ly hôn .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

2. Ông Đào Văn Nô.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:* Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 và ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 379/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12-01-2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thái Hồng M, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 7, ấp Phú Thọ, xã P, thị xã H, tỉnh B; có mặt.

- Bị đơn: Bà Bò Thị Ngọc H (Bò Thị Ngọc Đ), sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 7, ấp Phú Thọ, xã P, thị xã H, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Thái Hồng M trình bày: Ông Thái Hồng M và bà Bò Thị Ngọc H (bà Bò Thị Ngọc Đ) tự nguyện quen biết và tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân. Ông bà đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh B (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98 quyển số 01 ngày 07-10-1999). Tuy nhiên, khi Ủy ban nhân xã P cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã ghi tên của bà Bò Thị Ngọc H là Bò Thị Ngọc Đ.

Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không cảm thông chia sẻ với nhau trong mọi vấn đề trong cuộc sống. Ông M và bà H đã nhiều lần hòa giải để khắc phục những mâu thuẫn trong gia đình nhưng

không thành. Ngày 29-12-2010, bà H đã bỏ nhà đi khỏi địa phương và ông M đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B tuyên bố bà Bồ Thị Ngọc H mất tích. Ngày 24-8-2017, Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B đã ra Bản án số 31/2017/QĐDS-ST tuyên bố bà Bồ Thị Ngọc H mất tích kể từ ngày 29-12-2010. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Thái Hồng M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Thái Hồng M ly hôn với bà Bồ Thị Ngọc H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, ông Thái Hồng M và bà Bồ Thị Ngọc H có một con chung tên Thái Thanh Vương, sinh ngày 27-7-1999 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Con chung hiện nay đang sống chung với ông Thái Hồng M.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp bản sao các tài liệu chứng cứ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình của ông Thái Hồng M;
- Giấy chứng nhận kết hôn của ông Thái Hồng M và bà Bồ Thị Ngọc Đ;
- Giấy khai sinh của cháu Thái Thanh Vương;
- Bản chính Bản án số 31/2017/QĐDS - ST ngày 24-8-2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B;
- Bản chính bản trích lục án;
- Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã P ngày 01-02-2018.

Bị đơn bà Bồ Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản xác minh ngày 23-11-2017 tại Công an xã P, thị xã H, tỉnh B thì “bà Bồ Thị Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 7, ấp Phú Thọ, xã P, thị xã H, tỉnh B. Tuy nhiên bà H đã bỏ nhà đi khỏi địa phương không còn sinh sống ở địa phương từ ngày 29-12-2010 cho đến nay”

Tại biên bản xác minh ngày 23-11-2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Chánh, thị xã H, tỉnh B thì bà Bồ Thị Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 7, ấp Phú Thọ, xã P, thị xã H, tỉnh B; về mâu thuẫn của vợ chồng thì chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã P “...bà Bồ Thị Ngọc Đ: sinh năm 1980, CMND 280725447 theo giấy kết hôn sao y bản chính với bà Bồ Thị Ngọc H: sinh năm 1980, CMND 280725447 trong hộ khẩu và khai sinh là một người...”

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

Về nội dung: Ông Thái Hồng M và bà Bồ Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh B (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98 quyển số 01 ngày 07-10-1999). Ông Thái Hồng M yêu cầu ly hôn vì bà Bồ Thị Ngọc H và ông Thái Hồng M thường xuyên cãi nhau, bà H đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ ngày 29-12-2010 đến nay. Ông Thái Hồng M đã làm đơn

yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Bồ Thị Ngọc H mất tích và ngày 24-8-2017 Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B đã tuyên Bản án số 31/2017/QĐ-DS tuyên bố bà Bồ Thị Ngọc H mất tích kể từ ngày 29-12-2010; về con chung đã thành niên và tài sản chung, nợ chung ông Thái Hồng M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Thái Hồng M có đơn khởi yêu cầu ly hôn với bà Bồ Thị Ngọc H và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Bồ Thị Ngọc H có địa chỉ tại tổ 7, ấp Phú Thọ, xã P, thị xã H, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bà Bồ Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 21-11-2017, 13-12-2017 nhưng bà H vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ bà Bồ Thị Ngọc H tham gia phiên tòa lần thứ nhất ngày 12-01-2018 nhưng bà H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập bà H tham gia phiên tòa lần thứ hai vào ngày 30-01-2018 nhưng bà H vắng mặt không có lý do là bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Hồng M và bà Bồ Thị Ngọc H (Bồ Thị Ngọc Đ) là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh B (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98 quyển số 01 ngày 07-10-1999), đây là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không cảm thông chia sẻ với nhau trong mọi vấn đề trong cuộc sống. Ngày 29-12-2010, bà H đã đi khỏi địa phương và ông M đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B tuyên bố bà Bồ Thị Ngọc H mất tích. Tại Bản án số 31/2017/QĐDS-ST ngày 24-8-2017 “V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B đã tuyên bố bà Bồ Thị Ngọc H, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 7, ấp Phú Thọ, xã P, thị xã H, tỉnh B mất tích kể từ ngày 29-12-2010. Bản án có hiệu lực pháp luật nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Xét mâu thuẫn giữa ông M và bà H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Bà Bồ Thị Ngọc H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích kể từ ngày 29-12-2010. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự “Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình”. Ông Thái Hồng M có đơn yêu cầu ly hôn với bà Bồ Thị Ngọc H. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Do đó, ông Thái Hồng M yêu cầu ly hôn với bà Bồ Thị Ngọc H (Bồ Thị Ngọc Đ) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về con chung: Ông Thái Hồng M và bà Bồ Thị Ngọc H có một con chung tên Thái Thanh Vương sinh ngày 27-7-1999 đã thành niên, hiện đang sống chung với ông M. Ông Thái Hồng M không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[9]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 92, 146, 147, 228, 235, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Hồng M về việc ly hôn với bà Bồ Thị Ngọc H (Bồ Thị Ngọc Đ).

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Hồng M được ly hôn với bà Bồ Thị Ngọc H (Bồ Thị Ngọc Đ).

- Về con chung: Đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Ông Thái Hồng M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013287, ngày 25-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Thái Hồng M có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Bồ Thị Ngọc H (Bồ Thị Ngọc Đ) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THA dân sự thị xã T;
- UBND xã P, thị xã H, tỉnh B;
- Lưu: HS, VT.

Võ Thị Hồng Thêm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm